

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/DS-PT

Ngày: 16 - 7 - 2021

V/v “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế và đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Ông Võ Công Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2021/TBTL-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế và đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2021/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình Kh, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, khu vực 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

3. Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm N, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

4. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định

5. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm N, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

6. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph, trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình Kh, trình bày:

Cha ông là cụ Nguyễn Đình C (chết năm 1975), mẹ là cụ Nguyễn Thị N (chết năm 1998), cụ C cụ N có 03 con chung là: Nguyễn Thế V, Nguyễn Đình Kh, Nguyễn Đình C (chết năm 2008) có vợ Nguyễn Thị Ph và hai con là Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Đình S. Cụ C cụ N không có con riêng. Cha mẹ các cụ đều chết trước các cụ.

Cụ C cụ N chết không để lại di chúc, di sản của hai cụ để lại gồm: Thừa đất số 355, tờ bản đồ số 1, diện tích 335m² (200m² đất ở và 135m² đất vườn); thửa số 486, tờ bản đồ số 1, diện tích 2160m² (200m² đất ở và 1960m² đất vườn) và các thửa lúa số 699F, diện tích 520m²; thửa 279, diện tích 600m²; thửa 330A, diện tích 600m²; thửa số 546, diện tích 430m²; thửa số 271A, tờ bản đồ số 1, diện tích 100m² đất ở. Các thửa đất đều tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Hiện nay thửa đất số 355 do bà Nguyễn Thị Ph đang quản lý sử dụng, trên đất có nhà do cụ C cụ N xây dựng trước năm 1975. Năm 2017 bà Ph dỡ gian phía sau xây dựng nhà như hiện nay. Thửa đất số 486 do ông Nguyễn Thế V đang quản lý nhưng ông V cho ông Nguyễn Xuân H thuê trồng rau. Nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất số 355, tờ bản đồ số 1, diện tích 335m² theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế và yêu cầu được nhận đất để xây nhà. Thửa đất số 271A, tờ bản đồ số 1, diện tích 100m² đất ở cụ N đã bán cho cha bà Nguyễn Thị Kim D ông đồng ý không yêu cầu gì. Các thửa đất khác ông không yêu cầu chia.

Ông đồng ý trả 500.000 đồng cho bà Ph theo như yêu cầu phản tố của bà Ph.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Ph đòi chia thừa kế tài sản của cha mẹ để lại là thửa đất số 486 có diện tích 2160m² thì ông yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph, trình bày:

Bà thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Đình Kh về quan hệ huyết thống, gia đình. Năm 1991 bà về làm vợ ông Nguyễn Đình C, vợ chồng bà sống chung với cụ Nguyễn Thị N trên thửa đất số 355, tờ bản đồ số 01, diện tích 335m² (200m² đất ở, 135m² đất vườn). Năm 1998 cụ N chết, năm 2007 vợ chồng bà được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017 ngôi nhà cũ do cụ N xây dựng đã xuống cấp nên bà xây nhà mới như hiện nay, chi phí xây nhà 300.000.000 đồng là tiền của bà, các con bà không có đóng góp gì. Nay ông Kh yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 355, tờ bản đồ số 01 mà bà đang quản lý thì bà đồng ý chia theo quy định của pháp luật.

Bà có đơn phản tố yêu cầu chia thửa đất số 486, tờ bản đồ số 1, diện tích 2160m² tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Đình Kh là di sản thừa kế do vợ chồng cụ Nguyễn Thị N để lại, hiện thửa đất này do ông Nguyễn Thế V đang quản lý đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Đình Kh phải trả cho bà 500.000 đồng, ông Nguyễn Thế V phải trả cho bà 03 chỉ vàng (24K) bà đã bỏ ra để chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Thị N mà ông V đã thế chấp cho ông Nguyễn Văn Th vào năm 2007. Ngoài ra bà không yêu cầu chia các thửa đất lúa và thửa đất số 271A tờ bản đồ số 1, diện tích 100m² mà cụ N đã bán cho cha bà Nguyễn Thị Kim D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế V trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của ông Kh về quan hệ huyết thống, ông Kh yêu cầu chia thừa kế tài sản là thửa đất số 355 tờ bản đồ số 1, diện tích 335m² của cụ Nguyễn Đình C và Nguyễn Thị N để lại thì ông đồng ý, ông xin nhận đất. Bà Ph phản tố yêu cầu chia thửa đất số 486, tờ bản đồ số 1, diện tích 2160m² thì ông yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông yêu cầu bà Ph tháo dỡ nhà do bà Ph xây dựng trả hiện trạng nhà cũ mà cha mẹ ông đã xây dựng. Các thửa đất lúa ông không yêu cầu chia; thửa đất số 271A tờ bản đồ số 1, diện tích 100m² mẹ ông đã bán cho cha bà D, ông không yêu cầu gì.

Ông V không đồng ý yêu cầu phản tố của bà Ph yêu cầu ông trả 03 chỉ vàng 24K. Ông thừa nhận có gửi thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị N cho ông Nguyễn Văn T với giá 03 chỉ vàng (24K), nhưng đó là việc giữa ông với ông T và ông sẽ trả cho ông T số vàng trên. Việc bà Ph tự ý gặp ông T chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không biết nên ông không đồng ý yêu cầu này của bà Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ Th, anh Nguyễn Đình S trình bày:

Thông nhất như trình bày và yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Năm 2016 ông có thuê thửa đất số 486, tờ bản đồ số 1, diện tích 2160m² của ông Nguyễn Thế V để trồng rau, hai bên chỉ thỏa thuận miệng 6.000.000đ/05 năm, thời hạn thuê đến cuối năm 2021, trong quá trình thuê đất ông có đào giếng là 3.000.000 đồng, tiền bắt điện 1.500.000 đồng và rào hàng rào lưới B40.

Nay ông Kh, ông V, bà Ph yêu cầu chia thừa kế phần đất ông thuê của ông V thì ông đồng ý trả lại đất, nếu ai nhận phần đất ông đang canh tác thì ông yêu cầu thanh toán tiền đào giếng, bắt điện cho ông, còn nếu để ông canh tác đủ 05 năm, thì toàn bộ chi phí trên ông không yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Ngày 27/5/1996 bà Nguyễn Thị N có chuyển nhượng thửa đất số 271A, tờ bản đồ số 1, diện tích 100m² tọa lạc Xóm N, A, xã B, huyện T cho cha bà là Nguyễn Xuân A (chết) với giá 5.000.000 đồng, nhưng cha bà đưa bằng vàng là 10 chỉ (vàng 24K). Năm 2002 cha bà để lại cho bà sử dụng. Hiện thửa số 271A, tờ bản đồ số 1 bà đang sử dụng chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất bà đã xây dựng nhà cấp 4 và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Việc ông Kh, ông V, bà Ph tranh chấp chia thừa kế thì không liên gì đến thửa đất bà đang sử dụng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết xong vụ án để bà được làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th, trình bày:

Ông thông nhất việc ông V có gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Thị N để nhận 03 chỉ vàng (24K) từ ông, việc gửi và nhận vàng hai bên không có viết giấy tờ gì. Lý do ông V gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là ông V muốn bán phần đất mà cụ N đã để lại cho ông V được hưởng, nhưng từ khi gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, ông V bỏ đi thời gian dài nên vợ chồng bà Ph có đến chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông đã nhận đủ 03 chỉ vàng (24K) của bà Ph nên ông V phải trả vàng cho bà Ph, ông không yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Kh về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đình C và Nguyễn Thị N là thửa đất số 433, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph về việc đòi lại tài sản yêu cầu ông Nguyễn Đình Kh trả cho bà 500.000 đồng và ông Nguyễn Thế V phải cho bà 03 chỉ vàng (24K).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph về việc chia thừa kế của thửa đất số 184, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện

T, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05309 ngày 07/02/2007 cho hộ ông Nguyễn Đình Kh.

4. Ông Nguyễn Đình Kh được quản lý, sử dụng diện tích 104m² đất (trong đó 66,67m² đất ở và 37,33m² đất vườn) tại thửa số 433, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

5. Bà Nguyễn Thị Ph được quản lý sử dụng diện tích 197m² đất gắn liền với nhà ở do bà xây dựng (trong đó 133,33m² đất ở và 63,67m² đất vườn) tại thửa số 433, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

6. Ông Nguyễn Thế V được sở hữu số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Ph thanh toán và số tiền 3.984.000 đồng do ông Nguyễn Đình Kh thanh toán.

7. Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải có nghĩa vụ giao diện tích 104m² đất thuộc phần đất trống (trong đó 66,67m² đất ở và 37,33m² đất vườn) tại thửa số 433, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Đình Kh quản lý, sử dụng.

8. Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải thanh toán cho ông Nguyễn Thế V số tiền 200.000.000 đồng.

9. Buộc ông Nguyễn Đình Kh phải thanh toán cho ông Nguyễn Thế V số tiền 3.984.000 đồng.

10. Buộc ông Nguyễn Đình Kh phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 2.672.640 đồng (2.172.640 đồng + 500.000 đồng).

11. Buộc ông Nguyễn Thế V phải trả cho bà Nguyễn Thị Ph 03 chỉ vàng (24K).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 02/12/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Ph, kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, xem xét lại phần diện tích thửa đất và miễn giảm tiền án phí.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph, thấy rằng:

[2.1] Về hàng thừa kế và di sản yêu cầu chia thừa kế của cụ C và cụ N các bên đương sự trình bày thống nhất. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021 và tại phiên tòa hôm nay bà Ph đồng ý với cách chia kỷ phần thừa kế cho hàng thừa kế như án sơ thẩm đã tuyên, nhưng bà Ph cho rằng theo bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm thì diện tích đất Tòa chia cho ông Kh có chiều ngang theo mặt đường Quốc lộ 19B là 4,5m, chiều dài hết thửa đất nhưng bà đo thực tế thì phần đất được giao cho ông Kh có chiều ngang theo mặt đường Quốc lộ 19B là 6,8m, chiều ngang phía sau là 6,4m, theo bà Ph thì diện tích đất ông Kh được hưởng lớn hơn so với diện tích đất ghi trong bản án và trích lục bản đồ địa chính kèm theo. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án yêu cầu bà Ph phải có đơn yêu cầu Tòa án xem xét tại chỗ và định giá đối với thửa đất số 443, tờ bản đồ số 23, tạm ứng chi phí cho việc xem xét, định giá để Tòa án có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo của bà Ph, nhưng bà Ph không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, định giá lại tài sản mà bà yêu cầu cấp phúc thẩm lấy kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết (Biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021).

[2.2] Theo kết quả, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T thì thửa đất số 443, tờ bản đồ số 23, có diện tích thực tế là 301m², trong đó 200m² đất ở và 101m² đất vườn (đúng theo diện tích bản đồ VN 2000 đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt). Tại Công văn số 140/TNMT-QLĐĐ ngày 09/11/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T trả lời: Chênh lệch diện tích đất thiếu 34m² tại thửa 443, tờ bản đồ số 23 nhưng về ranh giới thửa đất không thay đổi, không tranh chấp với những chủ sử dụng đất liền kề. Do đó diện tích thiếu được xác định là do sai số đo đạc.

[2.3] Như vậy, diện tích đất sử dụng thực tế của thửa đất số 443, tờ bản đồ số 23 là 301m². Án sơ thẩm đã chia thửa đất làm hai phần để giao cho ông Kh phần đất có diện tích 104m², bà Ph phần đất gắn liền ngôi nhà do bà Ph xây

dụng có diện tích 197m². Tổng cộng là 301m² là đúng với diện tích đất đã được xem xét tại chỗ vào ngày 02/6/2020.

[2.4] Đối với việc bà Ph xin miễn, giảm án phí với lý do hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, chồng chết năm 2008, hiện có hai con chưa có việc làm ổn định. Căn cứ vào các trường hợp miễn, giảm án phí được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì trường hợp của bà Ph không được miễn, giảm án phí.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm chia di sản thừa kế là thửa đất số 443, tờ bản đồ số 23, diện tích 301m² cho ông Kh là 104m², bà Ph 197m² là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Ph kháng cáo cho rằng ngoài diện tích án sơ thẩm tuyên giao cho ông Kh thì ông Kh sẽ được hưởng diện tích đất liền kề với đất giao cho ông Kh có chiều ngang theo mặt đường 2m, chiều dài hết thửa đất là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Chi phí định giá tài sản: 4.000.000 đồng, ông Nguyễn Thế V, ông Nguyễn Đình Kh, bà Nguyễn Thị Ph mỗi người phải chịu 1.333.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình Kh phải chịu 11.104.968 đồng. Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 21.507.705 đồng. Ông Nguyễn Thế V phải chịu 10.765.000 đồng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Ph không được chấp nhận nên bà Phương phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 623, 649, 650, 651, 652, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, Điều 13, Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ph.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Kh về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đình C và Nguyễn Thị N là thửa đất số 443, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình Kh trả cho bà 500.000 đồng và ông Nguyễn Thế V trả cho bà 03 chỉ vàng (24K).

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

6. Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải có nghĩa vụ giao diện tích 104m² đất thuộc phần đất trống (trong đó 66,67m² đất ở và 37,33m² đất vườn) tại thửa số 433, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Đình Kh quản lý, sử dụng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

7. Bà Nguyễn Thị Ph được quản lý, sử dụng diện tích 197m² đất gắn liền với nhà ở do bà xây dựng (trong đó 133,33m² đất ở và 63,67m² đất vườn) tại thửa số 443, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

8. Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Thế V số tiền 200.000.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Đình Kh phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Thế V số tiền 3.984.000 đồng. Ông Nguyễn Thế V được trọn quyền sở hữu số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do bà Nguyễn Thị Ph thanh toán và số tiền 3.984.000 đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng) do ông Nguyễn Đình Kh thanh toán.

9. Buộc ông Nguyễn Đình Kh phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 2.672.640 đồng (2.172.640 đồng + 500.000 đồng).

10. Buộc ông Nguyễn Thế V phải trả cho bà Nguyễn Thị Ph 03 chỉ vàng (24K).

11. Về chi phí tố tụng và án phí:

11.1. Chi phí định giá tài sản: Ông Nguyễn Thế V, ông Nguyễn Đình Kh, bà Nguyễn Thị Ph mỗi người phải chịu 1.333.000 đồng, ông Kh đã nộp ứng trước 4.000.000 đồng nên ông V, bà Ph mỗi người phải hoàn trả cho ông Kh 1.333.000 đồng.

11.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình Kh phải chịu 11.104.968 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng ông Kh đã nộp theo biên lai thu số 0006503 ngày 20/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, ông Kh còn phải nộp là 10.104.968 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 21.507.705 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng bà Ph đã nộp theo biên lai thu số 0006557 ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T bà Ph còn phải nộp là 20.507.705 đồng.

- Ông Nguyễn Thế V phải chịu 10.765.000 đồng.

11.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Ph đã nộp theo biên lai thu số 0004359 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án huyện T.

12. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm